

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Các đơn vị, địa phương căn cứ chỉ tiêu được giao tại Điều 1 của Quyết định này, khẩn trương triển khai thực hiện. Trong đó, xây dựng lộ trình cụ thể tại đơn vị, địa phương để thực hiện; phân công, giao nhiệm vụ kèm chỉ tiêu đối với từng phòng ban, đơn vị trực thuộc và mỗi cán bộ, công chức, viên chức để hoàn thành chỉ tiêu được giao.

Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu tại các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương và xử lý nghiêm trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có các hành vi chậm trễ, nhũng nhiễu, tiêu cực, tự yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định pháp luật gây khó khăn, phiền hà cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với đơn vị có liên quan hỗ trợ về mặt kỹ thuật, đảm bảo tính thông suốt của Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; đồng bộ, thống nhất dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra (*định kỳ, đột xuất*) và báo cáo UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. (V01)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

Phụ lục
CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu thực hiện trong năm 2024	Lộ trình thực hiện (tối thiểu)				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
I. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh									
1	Cập nhật dữ liệu quy định kinh doanh trên Cổng Tham vấn và Tra cứu quy định kinh doanh.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	100%	70%	80%	90%	100%	
II. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công									
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	90%	60%	70%	80%	90%	(Năm 2023: 56,05%; Năm 2022: 56,05%)
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	70%	40%	50%	60%	70%	(Năm 2023: 24,4%; Năm 2022: 61,45%)
		Các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện	Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	60%	30%	40%	50%	60%	
		UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	50%	20%	30%	40%	50%	

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu thực hiện trong năm 2024	Lộ trình thực hiện (tối thiểu)				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	80%	50%	60%	70%	80%	<i>(Năm 2023: 11,35%; Năm 2022: 11,35%)</i>
		Các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện	Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	70%	40%	50%	60%	70%	
		UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	60%	30%	40%	50%	60%	
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	90%	50%	65%	80%	90%	<i>(Năm 2023: 10,33%; Năm 2022: 4,31%)</i>
		Các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện		85%	40%	55%	70%	85%	
		UBND cấp xã		80%	30%	50%	70%	80%	
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	100%	70%	80%	90%	100%	<i>(Năm 2023: 11,98%; Năm 2022: 5,09%)</i>
6	Tỷ lệ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện.	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	100%	100%	100%	100%	100%	

Stt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Chỉ tiêu thực hiện trong năm 2024	Lộ trình thực hiện (tối thiểu)				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
7	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	60%	20%	35%	50%	60%	(Năm 2023, 2022 là 0%)
8	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	100%	100%	100%	100%	100%	
09	Tỷ lệ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	100%	90%	95%	100%	100%	(Năm 2023: 88,69%; Năm 2022: 45,76%)
10	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	100%	100%	100%	100%	100%	(Năm 2023: 100%; Năm 2022: 100%)
11	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	95%	95%	95%	95%	95%	(Năm 2023: 94,71%; Năm 2022: 97,92%)
12	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật).	Các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	100%	90%	95%	100%	100%	
		Các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện	Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	95%	80%	85%	90%	95%	
		UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	80%	60%	65%	75%	80%	